

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2018/DS-PT

Ngày 30 - 10 - 2018

V/v tranh chấp hợp đồng vận chuyển

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Đình Thi

Các Thẩm phán:

Bà Đặng Thị Bích Vân

Bà Huỳnh Thị Út Mẫn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trương Thanh Triều - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2018/TLPT-DS ngày 25 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng vận chuyển.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 189/2018/QĐ-PT ngày 10 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lâm Văn Tr, sinh năm: 1969. Địa chỉ: Ấp 2, xã VT, thành phố VT, tỉnh Hậu Giang (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn X, sinh năm: 1961. Địa chỉ: Ấp PT, xã VPA, huyện GQ, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

- *NLQ* (Vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn X.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lâm Văn Tr trình bày:

Vào tháng 12/2014 âm lịch (không nhớ ngày), ông Nguyễn Văn X có thuê hai chiếc xe tải của ông để chở khóm bông lên chợ TĐ bán tết. Hai bên thỏa thuận bằng miệng là ông X phải trả cho ông số tiền công vận chuyển là 6.500.000 đồng và do ông Tr phải điều một chiếc xe chạy từ thành phố HCM về GQ để chở khóm cho ông X, nên ông X tự nguyện cho thêm ông tiền dầu 1.000.000 đồng, tổng cộng là 7.500.000 đồng.

Ông giao xe cho tài xế tên Lê Văn L và lơ xe tên Nguyễn Thái D chạy chở hàng cho ông X. Khi chở hàng đến TĐ xong, thì ông X không chịu trả tiền, ông X có viết biên nhận nợ ngày 28/12/2014 với nội dung là ông X còn nợ tiền xe vận chuyển 6.500.000 đồng.

Do ông X không thừa nhận là giá thuê 7.500.000 đồng, nên ông đồng ý với số tiền mà ông X còn nợ theo biên nhận do ông X viết giá thuê hai chiếc xe là 6.500.000 đồng. Ông yêu cầu ông X trả số tiền nợ nhiều lần, nhưng đến cuối năm 2015 ông X trực tiếp trả cho ông Tr được 1.750.000 đồng còn lại 4.750.000 đồng.

Đối với lời khai của ông X là đã trả cho lơ xe của ông Tr tên Nguyễn Thái D 3.500.000 đồng là không có đúng sự thật, vì anh D sau khi chở hàng cho ông X về chỉ giao cho ông Tr biên nhận nợ của ông X, ngoài ra không có đưa số tiền 3.500.000 đồng như lời trình bày của ông X. Ông Tr trình bày anh Nguyễn Thái D, anh Lê Văn L đã nghỉ làm và hiện nay anh D, anh L đang ở đâu thì ông không biết.

Tại phiên tòa, ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông X cùng với vợ tên NLQ phải trả số tiền còn nợ 4.750.000 đồng, ngoài ra không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn ông Nguyễn Văn X trình bày:

Ông thừa nhận có thuê hai chiếc xe tải của ông Tr để chở khóm bông từ GQ lên TĐ bán chợ tết năm 2014, giá thuê hai chiếc xe 6.500.000 đồng sau khi lên đến nơi ông X đã trả tiền cho lơ xe của ông Tr tên Nguyễn Thái D 3.500.000 đồng, sau khi ông X trả tiền cho anh D do lu bu quá, nên ông X vẫn viết biên nhận ngày 28/12/2014 còn nợ tiền thuê xe của ông Tr là 6.500.000 đồng. Đến cuối năm 2015 ông có trực tiếp trả cho ông Tr 1.750.000 đồng.

Ông thừa nhận chữ viết, chữ ký trong biên nhận đề ngày 28/12/2014 (âm lịch) do ông Tr cung cấp là của ông. Việc ông trả tiền cho anh D là không có mặt ông Tr. Ông xác nhận là chỉ còn nợ ông Tr 1.250.000 đồng, nhưng ông không đồng ý trả. Vì ông Tr đã chở hàng của ông không đúng thời gian làm chuyến hàng khóm bông của ông lên TĐ trễ, nên không bán hàng được làm ông thất thoát rất nhiều tiền.

Ông có nhận được Thông báo số 01/2018/TB-TA ngày 02 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang về việc “*yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ liên quan đến số tiền ông X trả cho anh D 3.500.000 đồng*”. Ông

cũng xác nhận việc ông chỉ biết anh Nguyễn Thái D ở xã VHQB, nhưng không biết ấp nào. Đồng thời từ ngày ông Tr kiện ông đến nay là anh D đã bỏ địa phương đi làm thuê trên thành phố HCM, ông không biết địa chỉ mới của anh D. Ông cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ chứng minh ông đã trả cho anh D 3.500.000 đồng. Ông xác nhận vợ ông là NLQ.

Tại phiên tòa, ông không đồng ý trả tiền theo yêu cầu khởi kiện của ông Tr.

NLQ trình bày:

Bà là vợ của ông Nguyễn Văn X, bà đồng ý với ý kiến trình bày và nguyện vọng của ông X, ngoài ra bà không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Tr.

Buộc ông Nguyễn Văn X và NLQ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn Tr số tiền 4.750.000đ (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phạt án phí, lãi suất chậm trả và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 08/8/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn X có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Buộc ông Lâm Văn Tr bồi thường thiệt hại hơn 40.000.000 đồng, do ông Tr sai hợp đồng vận chuyển khóm của ông, thì ông mới đồng ý trả lại tiền xe cho ông Tr 4.750.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Nguyễn Văn X vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Ngược lại, nguyên đơn ông Lâm Văn Tr không đồng ý kháng cáo của bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: NLQ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt và không kháng cáo, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn tiếp tục xét xử vụ án.

[2] Về nội dung kháng cáo của ông Nguyễn Văn X thấy rằng: Căn cứ vào biên nhận ngày 28/12/2014 (BL 11) thể hiện ông Nguyễn Văn X chưa trả cho ông Lâm Văn Tr số tiền 6.500.000 đồng và việc này ông X thừa nhận chữ viết và chữ ký trong biên nhận nêu trên là của ông X. Ông Tr thống nhất việc ông X đã trực tiếp trả cho ông 1.750.000 đồng, nên ông X còn thiếu lại ông Trung số tiền 4.750.000 đồng.

Ông X cho rằng đã trả cho lơ xe của ông Tr tên Nguyễn Thái D số tiền 3.500.000 đồng, nhưng tại Tòa án cấp sơ thẩm, cũng như tại phiên tòa phúc thẩm, ông X không cung cấp được chứng cứ để chứng minh lời trình bày của mình, nên Tòa án giải quyết vụ án theo những chứng cứ đã được thu thập được có trong hồ sơ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Nên bản án sơ thẩm tuyên buộc ông Nguyễn Văn X và NLQ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn Tr số tiền 4.750.000 đồng là phù hợp.

Ngoài ra, ông X còn kháng cáo yêu cầu ông Tr bồi thường số tiền 40.000.000 đồng do làm sai hợp đồng vận chuyển khóm của ông. Tuy nhiên, tại Tòa án sơ thẩm ông X không có yêu cầu phản tố và đóng tạm ứng án phí, nên Tòa án cấp sơ thẩm không giải quyết. Vì thế, Tòa án cấp phúc thẩm không có cơ sở để xem xét. Nếu trường hợp ông Xuy có tranh chấp về yêu cầu bồi thường thiệt hại do ông Tr vi phạm hợp đồng, thì có thể khởi kiện và được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử nghị nên chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn X và bà Nguyễn Thị T có trách nhiệm liên đới nộp án phí sơ thẩm 300.000 đồng, do yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Tr được Tòa án chấp nhận.

Do yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Tr được Hội đồng xét xử chấp nhận, nên không phải nộp án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho ông Tr.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn X phải nộp 300.000 đồng, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các khoản 4 Điều 91, Điều 92, 147, 296 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 535, 538, 541 Bộ luật dân sự năm 2005.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn X.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 19/2018/DS-ST ngày 27 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Phần tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lâm Văn Tr.

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn X và NLQ phải có nghĩa vụ trả cho ông Lâm Văn Tr số tiền 4.750.000đ (*Bốn triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp Cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn X và NLQ phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Hoàn trả cho ông Lâm Văn Tr số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000080 ngày 03/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GQ, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Nguyễn Văn X phải nộp án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0008620 ngày 09/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện GQ, tỉnh Kiên Giang. Ông X không phải nộp thêm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện GQ;
- THA dân sự huyện GQ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phạm Đình Thi